| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÙ ĐĂNG**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2025/DSST
Ngày: 03 – 03 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Ngọc Thiện;

2/ Bà Lê Thị Thận;

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2024/TLST – DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST – DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa:

**Nguyên đơn:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*** Khi bị tại nạn giao thông, bà N được anh em, bạn bè hỏi thăm cho tiền nên bà Nguyễn Thị Ngọc Q hỏi vay số tiền 50 triệu đồng để sửa quán ăn và lo tiền cho con ăn học thì bà N đồng ý. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng (1.500.000 đồng/tháng), không thỏa thuận thời hạn trả mà khi nào bà N cần thì báo trước cho bà Q từ 02 đến 03 ngày thì bà Q sắp xếp trả tiền cho bà N. Sau đó, bà Q viết giấy vay tiền đề ngày 23/5/2022 nhưng không ghi thời hạn trả và lãi suất. Giấy này được ghi vào cuốn sổ của bà N và do bà N giữ.

Từ tháng 6/2022 cho đến nay, bà Q mới trả cho bà N được khoản tiền lãi là 7.200.000 đồng và tiền gốc là 2.000.000 đồng. Trong đó bà Q trực tiếp trả khoảng

01 đến 02 lần với số tiền 1.500.000 đồng, con gái bà Q đưa (không nhớ đưa mấy lần, không nhớ số tiền đưa); người làm của chị Q tên Nh đưa (không nhớ số lần và số tiền); anh Lê Trung H đưa 01 lần nhưng bà N không nhớ số tiền. Ngoài ra, bà Q trả cho bà N bằng hình thức chuyển khoản 01 đến 02 lần nhưng số tiền thì bà N không nhớ.

Ngoài các khoản tiền trên thì bà Q chưa trả thêm cho bà N khoản tiền lãi và gốc nào khác.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày*:** Vào ngày 23/5/2022, bà Q có nhu cầu sửa lại quán bán đồ ăn nên hỏi vay bà N số tiền 50 triệu đồng thì bà N đồng ý. Khi vay không đề cập đến tiền lãi, không thỏa thuận thời hạn trả, bà Q có nói sẽ trả số tiền này trong vòng 01 đến 02 tháng thì bà N đồng ý. Sau đó, bà Q có viết giấy vay số tiền này và đưa bà N giữ, do không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nên trong giấy không ghi lãi suất và thời hạn trả tiền.

Từ tháng 6/2022 cho tới tháng 8/2024, bà Q đã trả dần cho bà N hằng tháng với số tiền mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bà Q trực tiếp đưa cho bà N 02 lần khi mới bắt đầu vay với số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, bà Q nhờ con gái là Trần Ngọc Khánh L chuyển khoản cho bạn của L là Lê Trung H trả cho bà N vì H ở đối diện nhà bà N. Từ tháng 4/2024 đến tháng 8/2024 thì bà Q đưa tiền cho người làm là anh Lê Thanh Nh và con gái bà Q là cháu Trần Ngọc Anh Th trả cho bà N với số tiền mỗi lần là 1.500.000 đồng. Vào tháng 8/2024 bà N xuống nhà bà Q đòi số tiền gốc là 50 triệu đồng bà Q đã vay và nói những khoản tiền từ trước đến nay bà Q đưa đều là tiền lãi. Bà N hù dọa sẽ kiện nên bà Q xin bà N không lấy tiền lãi nữa mà trả dần số tiền còn lại cho bà N hàng tuần là 2.000.000đồng/tuần cho đến hết số tiền gốc; thời điểm đó bà Q không xác định tiền gốc bao nhiêu. Sau đó bà Q đưa cho anh Nh 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng để trả cho bà N, đưa cho con gái bà Q là cháu Thư 01 lần với số tiền 1.500.000 đồng. Khi anh Nh trả tiền cho bà N thì về nói lại với bà Q bà N nói số tiền đưa cho bà N đều là tiền lãi nên bà Q gọi điện cho bà N hỏi tại sao hai bên đã thỏa thuận không tính lãi nhưng bà N lại tính tiền lãi; bà N nói bà N không lấy tiền lãi và thừa nhận đã nhận 8.000.000 đồng và trước tới nay bà Q đã đưa đủ số tiền 1.500.000đồng/tháng (khi nói chuyện với bà N thì bà Q có ghi âm lại).

Như vậy, tổng số tiền bà Q đã trả cho bà N là 48.500.000 đồng, bà Q chỉ còn nợ lại bà N số tiền 1.500.000 đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền này.

***Người làm chứng chị Trần Ngọc Khánh L:*** Sự việc vay mượn tiền giữa bà N với bà Q như thế nào thì chị L không biết nhưng vào khoảng tháng 6/2022 đến tháng 4/2024, thỉnh thoảng bà Q là mẹ của chị L có đưa số tiền 1.500.000 đồng/lần cho chị L đưa trả nợ cho bà N. Sau khi bà Q đưa tiền thì có những lần chị L đưa trực tiếp cho bà N (không nhớ số lần), có những lần nộp tiền vào tài khoản của chị L rồi sau đó chuyển khoản cho anh Lê Trung H nhờ anh H chuyển khoản cho bà N. Do anh H không biết số tài khoản của bà N nên anh H đã rút tiền mặt đưa cho bà N vì anh H nhà ở đối diện nhà bà N. Chị L chuyển khoản từ số tài khoản 2246420066464 tại Ngân hàng TMCP Quân đội của chị L vào số tài khoản 104874820045 mang tên Triệu Thị Phương là tài khoản mang tên bà ngoại của anh H nhưng anh H là người sử dụng tại Ngân hàng Viettinbank vào ngày 17/01/2023 với số tiên 1.500.000 đồng, ngày 06/02/2023 với số tiền 1.500.000 đồng, ngày

07/4/2023 với số tiền 1.600.000 đồng, ngày 23/6/2023 với số tiền 1.700.000 đồng, ngày 13/7/2023 với số tiền 1.200.000 đồng, ngày 10/8/2023 với số tiền 2.000.000 đồng và đưa trực tiếp cho bà N số tiền 300.000 đồng; ngoài ra có 02 lần chi L chuyển khoản cho bà N (từ số tài khoản 2246420066464 tại Ngân hàng TMCP Quân đội của chị L vào số tài khoản 03455193349999 tại Ngân hàng TMCP Quân đội của bà N) vào ngày 11/02/2024 với số tiền 650.000 đồng và đưa tiền mặt trực tiếp 850.000đồng và ngày 04/3/2024 với số tiền 1.500.000 đồng. Khi đưa tiền trực tiếp cho bà N thì chị L và bà N không làm giấy tờ gì, có một số lần có anh H chứng kiến vì anh H chở chị L đi trả tiền cho bà N; thỉnh thoảng có cháu của bà N và chồng bà N chứng kiến. Từ tháng 4/2024, chị L đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh nên bà Q không nhờ chị L trả tiền cho bà N nữa. Sự việc sau đó thì chị L không biết.

***Người làm chứng anh Lê Thanh Nh trình bày:*** Sự việc vay mượn tiền giữa bà Q với bà N như thế nào thì anh Nh không biết nhưng từ tháng 4/2024 tới tháng 8/2024 anh Nh được bà Q nhờ đưa tiền cho bà N mỗi tháng là 1.500.000 đồng, lúc đưa tiền thì bà N nói đây là tiền lãi nên anh Nh có về nói lại với bà Q thì bà Q gọi điện cho bà N còn nội dung cụ thể như thế nào thì anh Nh không rõ. Tới tháng 9/2024 bà N tới nhà bà Q để đòi nợ và bà Q có xin không tính tiền lãi nữa thì bà N đồng ý nhưng 01 tuần phải trả cho bà N 2.000.000 đồng nên trong tháng 9/2024, bà Q đưa tiền cho anh Nh nhờ anh Nh đưa cho bà N 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng;  01 lần 1.500.000 đồng và 01 lần 500.000 đồng. Ngoài ra, bà Q đưa cho con gái của bà Q là cháu Thư 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng cho bà N. Khi đưa tiền thì anh Nh không có làm giấy tờ hay yêu cầu bà N ký nhận tiền. Ngoài sự việc này ra thì anh Nh không chứng kiến sự việc gì khác.

***Người làm chứng chị Trần Ngọc Anh Th:*** Sự việc vay mượn tiền giữa bà N với bà Q như thế nào thì chị Th không biết nhưng chị Th có được bà Q đưa số tiền 1.500.000 đồng nhờ đưa cho bà N, còn bà Q nhờ bao nhiêu lần thì chị Th không nhớ. Ngoài ra, chị Th không biết thêm nội dung gì khác.

***Người làm chứng anh Lê Trung H:*** Sự việc vay mượn tiền giữa bà Q với bà N như thế nào thì anh H không biết nhưng khoảng vào năm 2022 và năm 2023, anh H được chị Trần Ngọc Khánh L là bạn của anh H chuyển tiền từ số tài khoản của chị L vào số tài khoản 104874820045 mang tên Triệu Thị Phương tại Ngân hàng Viettinbank (số tài khoản của bà ngoại anh H nhưng do anh H sử dụng) để nhờ anh H trả cho bà N vì nhà anh H ở đối diện nhà bà N. Về thời gian và số tiền chuyển khoản thì đúng như lời trình bày của chị L vì các lần chuyển khoản đều thể hiện trong nội dung bản sao kê đã nộp cho Tòa án. Sau khi L chuyển khoản cho anh H thì anh H đã đi rút tiền mặt và đưa trực tiếp cho bà N. Tuy nhiên, khi đưa anh H không làm giấy tờ gì chỉ thỉnh thoảng có chị L và cháu, chồng của bà N nhìn thấy. Ngoài ra, có khoảng từ 5 đến 6 lần (không nhớ thời gian) anh H có chở L tới nhà bà N đưa tiền. Đến trước tết năm 2024 thì L không nhờ anh H trả tiền cho bà N nữa. Ngoài ra, anh H không biết thêm nội dung gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Q phải trả cho bà N số tiền gốc đã vay còn lại là 48.000.000 đồng; bị đơn bà Q không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N vì bà Q đã trả cho bà N tổng số tiền 48.500.000 đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải trả cho bà N số tiền 40.350.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngát khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải trả cho bà N số tiền đã vay là 48.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn bà Q cư trú tại thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà N và bị đơn bà Q thống nhất vào ngày 23/5/2022 bà Q có vay của bà N số tiền 50.000.00 đồng, khi vay bà Q có làm giấy và ký tên; giấy này do bà N giữ. Sau khi viết giấy thì bà N giao tiền cho bà Q, mục đích vay để sửa quán ăn của bà Q.

[3] Bà N cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nhưng khi nào bà N cần lấy tiền thì báo trước cho bà Q từ 02 đến 03 ngày; còn bà Q lại cho rằng hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền khi vay mà bà Q sẽ trả số tiền này từ 01 đến 02 tháng; bà Q đã trả dần cho bà N làm nhiều lần từ tháng 6/2022 với số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Việc trả tiền này do bà Q trực tiếp trả cho bà N 02 lần với số tiền 3.0000.000 đồng, ngoài ra bà Q có đưa tiền cho con gái của bà Q là chị Trần Ngọc Khánh L chuyển khoản và đưa tiền mặt cho bà N; nhờ con gái bà Q là chị Trần Ngọc Anh Th, người làm của bà Q là anh Lê Thanh Nh, bạn của chị L là anh Lê Trung H đưa tiền cho bà N. Tổng số tiền bà Q đã trả là 48.500.000 đồng.

[4] Chị Trần Thị Khánh L trình bày đã chuyển khoản trực tiếp cho bà N 02 lần với tổng số tiền 2.150.000 đồng và đưa tiền mặt 850.000 đồng; chị L chuyển khoản nhờ anh Lê Trung H trả cho bà N vào ngày 17/01/2023 với số tiền 1.500.000 đồng, ngày 06/02/2023 số tiền 1.500.000 đồng, ngày 07/4/2023 với số tiền 1.600.000 đồng, ngày 23/6/2023 với số tiền 1.700.000 đồng, ngày 13/7/2023 với số tiền 1.200.000 đồng, ngày 10/8/2023 với số tiền 2.000.000 đồng và chị L đưa trực tiếp cho bà N 300.000 đồng. Anh Lê Trung H thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian và số tiền chị L chuyển khoản nhờ anh H đưa cho bà N; chị Trần Ngọc Anh Th trình bày có đưa cho bà N 1.500.000 đồng; người làm của bà Q là anh Lê Thanh Nh đưa cho bà N tổng số tiền 9.000.000 đồng.

[5] Xét lời trình bày của các bên đương sự thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp bản sao kê các giao dịch chuyển khoản tại Ngân hàng do chị L chuyển khoản cho bà N và anh Lê Trung H như sau:

Tại sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ/báo có ngày 07/01/2025 của Ngân hàng TMCP Quân Đội đối với số tài khoản 2246420066464 mang tên khách Hàng Trần Ngọc Khánh L thể hiện vào ngày 11/02/2024 chị L chuyển khoản vào số tài khoản 03455193349999 tại TMCP Quân Đội mang tên Trần Thị N với số tiền 650.000 đồng và ngày 04/3/2024 chuyển khoản với số tiền 1.500.000 đồng.

Tại bản sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/12/2023 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đối với số tài khoản 104874820045 mang tên Triệu Thị Phương. Trong đó có các giao dịch chị L xác định chuyển khoản cho anh H để nhờ anh H trả tiền là các giao dịch vào vào ngày 17/01/2023 với số tiền 1.500.000 đồng, ngày 06/02/2023 với số tiền 1.500.000 đồng, ngày 07/4/2023 với số tiền 1.600.000 đồng, ngày 23/6/2023 với số tiền 1.700.000 đồng, ngày 13/7/2023 với số tiền 1.200.000 đồng, ngày 10/8/2023 với số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó anh H đã thực hiện việc rút số tiền mà chị L đã chuyển khoản cho mình (giao dịch thể hiện tại bản sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/12/2023 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam mà phía bị đơn cung cấp). Như vậy, có sự việc chị L chuyển tiền cho anh H và anh H cũng thực hiện việc rút số tiền mà chị L đã chuyển khoản. Tuy nhiên, các giao dịch chị L chuyển khoản cho anh H đều không ghi rõ nội dung là gì. Anh H cho rằng sau khi rút tiền đã giao lại cho bà N nhưng lại không làm giấy tờ; tại phiên tòa anh H trình bày có chồng và cháu bà N chứng kiến nhưng chỉ đứng trong nhà chứ không biết những người này có thấy anh H đưa tiền cho bà N hay không; bà N thừa nhận chỉ nhận của anh H 01 lần với số tiền 1.500.000 đồng. Do đó không căn cứ xác định toàn bộ số tiền chị L chuyển anh H nêu trên với mục đích trả cho bà N cũng như việc anh H đã giao toàn bộ số tiền chị L chuyển khoản cho anh H để anh H cho bà N.

[6] Ngoài ra, phía bà Q cung cấp 01 file ghi âm cuộc hội thoại giữa bà N với bà Q vào ngày 28/9/2024. Theo bà Q thì nội dung cuộc hội thoại này thể hiện bà N thừa nhận hàng tháng có nhận của bà Q số tiền 1.500.000đồng. Tuy nhiên, khi xem xét nội dung file ghi âm mà bà Q cung cấp không thể hiện nội dung bà N thừa nhận hàng tháng có nhận của bà Q số tiền 1.500.000 đồng mà bà N luôn xác định không lấy tiền lời của bà Q, những lời nói của bà Q về việc bà N nhận tiền và trừ tiền lời đều không được bà N xác nhận. Tại cuối cuộc hội thoại bà Q còn thỏa thuận với bà N chốt lại số tiền còn nợ bà N là 50.000.000 đồng, trừ số tiền 2.000.000 đồng tiền gốc anh Nh đã đưa còn lại là 48.000.000 đồng và hẹn trả dần hàng tuần với số tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

[7] Quá trình giải quyết vụ án bà Q, anh Nh, chị Th, chị L xác định khi đưa tiền cho bà N nhưng đều không làm giấy tờ, không có người chứng kiến; bà N chỉ thừa nhận nhận số tiền chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bà N (theo nội dung giao dịch chuyển khoản tổng là 2.150.000 đồng), 6.000.000 đồng nhận của anh Nh; 1.500.000 đồng nhận của anh H; tổng cộng số tiền bà N đã nhận là 9.650.000 đồng.

[8] Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ xác định bà Q đã trả cho bà N tổng số tiền 48.500.000 đồng, chỉ có căn cứ xác định số tiền bà Q đã trả cho bà N được bà N thừa nhận là 9.650.000 đồng. Bà N trình bày khi vay có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng tuy nhiên tại file ghi âm mà bà Q cung cấp bà N luôn xác định không lấy lời (lãi) nên xác định số tiền mà bà N thừa nhận đã nhận của bà Q là khoản tiền gốc. Như vậy, số tiền bà Q còn nợ của bà N là 40.350.000 đồng nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà Q phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền này.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải chịu theo quy định. Bà Q phải chịu 2.017.500 đồng.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463; 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải trả cho bà N số tiền 40.350.000 đồng (*Bốn mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N không phải chịu; bà Q phải chịu 2.017.500 đồng (*Hai triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Đào**